

NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG
QUÝ THẦY CÔ GIÁO ĐẾN DỰ GIỜ THĂM LỚP!



Giáo viên: NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

Trò chơi: AI NHANH HƠN

Coo hai đội chơi. Mỗi đội có ba thành viên thi viết đúng các phương trình bậc hai, chỉ rõ các hệ số a , b , c của mỗi phương trình bậc hai đó.

Người thứ nhất viết phương trình bậc hai.

Người thứ hai có quyền sửa sai và nêu rõ hệ số a, b, c của phương trình đó.

Người thứ ba viết tiếp phương trình bậc hai...

Trò chơi tiếp tục đến khi hết thời gian.

Trong 2 phút đội nào viết được nhiều phương trình bậc hai hơn và đa dạng hơn đội đó sẽ chiến thắng.

Ta có thể chia phương trình bậc hai thành mấy dạng?

Ta có thể chia phương trình bậc hai thành bốn dạng:

+ Khuyết b

+ Khuyết c

+ Đầy đủ

+ Đặc biệt phương trình bậc hai khuyết cả b và c.

Tiết 52 LUYỆN TẬP

Dạng 1. Phương trình bậc hai khuyết cả b và c.

Cho một ví dụ về phương trình bậc hai khuyết cả b và c
rồi giải phương trình đó.

Phương trình bậc hai khuyết cả b và c có bao nhiêu nghiệm?
Phương trình bậc hai khuyết cả b và c luôn có nghiệm kép

$$x = 0 .$$

Tiết 52 LUYỆN TẬP

Dạng 2+3 Phương trình bậc hai khuyết b ;
phương trình bậc hai khuyết c.

Tiết 52 LUYỆN TẬP

Dạng 2+3 Phương trình bậc hai khuyết b ;
phương trình bậc hai khuyết c.

Dạng 2: Phương trình bậc hai
khuyết c: $\underline{ax^2 + bx = 0} \quad (1)$

Đặt nhân tử chung ở vế trái đưa
(1) về phương trình tích.

$$A(x).B(x) = 0$$

Suy ra: $A(x) = 0$

hoặc $B(x) = 0$

Phương trình (1) có hai nghiệm
trong đó luôn có một nghiệm
 $x = 0$.

Dạng 3: Phương trình bậc hai
khuyết b: $\underline{ax^2 + c = 0} \quad (2)$

Khi $a.c > 0$

phương trình vô nghiệm.

Khi $a.c < 0$.

Cách 1. Chuyển c sang vế phải rồi
khai phương hai vế không âm
đưa (2) về dạng phương trình chứa
dấu giá trị tuyệt đối.

Cách 2. Sử dụng hằng đẳng thức số
3 đưa (2) về dạng phương trình tích.

Tiết 52 LUYỆN TẬP

03:00

Dạng 4. Phương trình bậc hai đầy đủ.

HĐ nhóm 3 phút.

Cho phương trình: $x^2 - 4x - m + 2 = 0$

1. Giải phương trình khi
 - a) $m = -2$.
 - b) $m = 7$.
 - c) $m = -6$.

Cô chia lớp thành 6 nhóm theo thứ tự thường ngày.

- + Nhóm 1;4 giải phương trình khi $m = -2$.
- + Nhóm 2;5 giải phương trình khi $m = 7$.
- + Nhóm 3;6 giải phương trình khi $m = -6$.

Tiết 52 LUYỆN TẬP

01:00

Cho phương trình:

HĐ cá nhân 1 phút.

$$x^2 - 4x - m + 2 = 0$$

1. Giải phương trình khi a) $m = -2$.

b) $m = 7$.

c) $m = -6$.

Tiết 52 LUYỆN TẬP

02:00

HĐ nhóm 2 phút.

Cho phương trình:

$$x^2 - 4x - m + 2 = 0$$

1. Giải phương trình khi
- a) $m = -2$.
 - b) $m = 7$.
 - c) $m = -6$.

Tiết 52 LUYỆN TẬP

01:00

Một phút cho nhóm kiểm tra bài của nhóm bạn và góp ý cho nhóm bạn.

Tiết 52 LUYỆN TẬP

01:00

Một phút cho nhóm kiểm tra bài của nhóm bạn và góp ý cho nhóm bạn.

Tiết 52 LUYỆN TẬP

Cho phương trình:

$$x^2 - 4x - m + 2 = 0$$

2. Tìm m để phương trình có một nghiệm $x = -2$.
3. Khi nào phương trình có một nghiệm, vô nghiệm có hai nghiệm phân biệt.

Dạng 4: Phương trình bậc hai đầy đủ : $ax^2 + bx + c = 0$ (3)

- 1) Chuyển c sang vế phải.
- 2) Chia cả hai vế cho a khác 0.
- 3) Thêm vào hai vế cùng một lượng thích hợp để vế trái của (3) viết được dạng bình phương.
- 4) Khai phương hai vế không âm rồi giải phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối.

Câu 1

Số nghiệm của phương trình $-5x^2 - 1 = 0$ là ?

A. 1

B. 0

C. 2



Câu 2

Phương trình $(m - 5)x^2 + 3x - 1 + m = 0$

là phương trình bậc hai khi?

A. $m = 5$

B. $m = 1$

C. $m \neq 5$.



Câu 3

Kết luận sai là :

A. Phương trình $(m^2+2)x^2 - 3x + m = 0$ là phương trình bậc hai.

B. Phương trình bậc hai khuyết c luôn có nghiệm $x = 0$.

C. Phương trình bậc hai khuyết b luôn có nghiệm.

D. Phương trình bậc hai khuyết cả b và c luôn có nghiệm.



Câu 4

Giá trị $x = -2$ và $x = 5$

là hai nghiệm của phương trình . :

A. $(x - 2)(x - 5) = 0$

B. $(x + 2)(x - 5) = 0$

C. $(x + 2)(x + 5) = 0$

D. $(x - 2)(x + 5) = 0$





Hướng dẫn về nhà

- Học và nắm chắc định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn, các dạng phương trình bậc hai và cách giải của từng dạng.
- Làm các bài tập 12; 14 (Tr 42; 43 / SGK)
- Cho phương trình : $x^2 - mx + 3 + m = 0$
 - a) Tìm m để phương trình nhận $x = 5$ là một nghiệm.
 - b) Tìm m để phương trình vô nghiệm, có nghiệm kép, có hai nghiệm phân biệt.

PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN

Dạng 1: Phương trình bậc hai khuyết c: $ax^2 + bx = 0$ (1)

Đặt nhân tử chung ở vế trái đưa (1) về phương trình tích.

$$A(x).B(x) = 0 \text{ Suy ra: } A(x) = 0 \text{ hoặc } B(x) = 0$$

Dạng 2: Phương trình bậc hai khuyết b: $ax^2 + c = 0$ (2)

Cách 1. Chuyển c sang vế phải rồi khai phương hai vế không âm đưa (2) về dạng phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối.

Cách 2. Sử dụng hằng đẳng thức thứ 3 đưa (2) về dạng phương trình tích.

Dạng 3: Phương trình bậc hai đầy đủ : $ax^2 + bx + c = 0$ (3)

1) Chuyển c sang vế phải.

2) Chia cả hai vế cho a khác 0.

3) Thêm vào hai vế cùng một số để vế trái của (3) viết được dạng bình phương.

Dạng 4: Phương trình bậc hai đặc biệt: $ax^2 = 0$ (4)

Phương trình luôn có nghiệm kép $x = 0$

BÀI HỌC ĐẾN ĐÂY LÀ KẾT THÚC!



Kính chúc quý thầy cô giáo mạnh khỏe!

Chúc các em chăm ngoan học giỏi!